



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52 /CBTT-VBG

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Về việc đã ký hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc -TKV

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc -TKV.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc -TKV - MCK: VBG
2. Tên Chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc -TKV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 65, phố An Trạch, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 024 3823 3786 Pax: 024 3732 3483
5. Người công bố thông tin: Bà Trần Thị Tố Uyên - Người phụ trách công bố thông tin, phụ trách quản trị Công ty.
6. Nội dung công bố:

Ngày 10/6/2025 Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc -TKV đã ký hợp đồng số 100625.014/HĐTC.KT3 với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về việc kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV có nội dung sau:

- Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.
- Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV;
- Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại thời điểm 30/6/2025 và 31/12/2025 của Công ty và Xí nghiệp Địa chất 109.
- Kiểm tra, soát xét và xác nhận số liệu trong các biểu báo cáo phục vụ việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30/12/2025 của toàn Tập đoàn;
- Xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống báo cáo quản trị TKV.

* Địa chỉ Website đăng tải thông tin : <http://diachatvietbac.vn/quan-hệ-cổ-đông/>
Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV xin được công bố thông tin trên đến Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quý cổ đông Công ty được biết và thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm
Kèm theo HĐ kiểm toán số:
100625.014/HĐTC.KT3 ngày
10/6/2025

**NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Trần Thị Tố Uyên

—o0o—

Ngày 10 tháng 06 năm 2025

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Về việc Kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kỳ;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 06/06/2025 giữa Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Căn cứ Quyết định số 967/QĐ-VBG ngày 06/06/2025 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp của Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV;
- Căn cứ công văn số 968/VBG ngày 06/06/2025 về việc Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV

Người đại diện : Nguyễn Danh Tuyên

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số nhà 65, phố An Trạch, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại : 0243 8233786 Số fax: 0243 7323483

Mã số thuế : 0104944595

Tài khoản số 1 : 0021100336666 tại Ngân hàng TM CP Quân đội - SGD 3

Tài khoản số 2 : 115000127002 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hai Bà Trưng

Tài khoản số 3 : 1041388866 tại NH TMCP Ngoại Thương VN – CN Hà Nội

BÊN B: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : **Vũ Xuân Biển**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 020125.006/UQ.TH ngày 02/01/2025)

Địa chỉ : Số 01 phố Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 3 8241 990

Số fax: (84-24) 3 8253 973

Tài khoản số : 0301009689689

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hoàn Kiếm

Mã số thuế : 0100111105

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/2025 và 31/12/2025 của Công ty và Xí nghiệp Địa chất 109.

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán và soát xét bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

- a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
- b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét;
- c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét;
- d. Quyền tiếp cận, trao đổi không hạn chế đối với kiểm toán viên tiền nhiệm (bao gồm việc soát xét giấy làm việc của kiểm toán viên tiền nhiệm) hoặc tạo điều kiện cho kiểm toán viên thu thập bằng chứng liên quan đến số dư đầu kỳ.

Ban Giám đốc của bên A có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán và soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và soát xét và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhằm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Trách nhiệm chung của bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

Ngoài các quy định chung về kiểm toán Báo cáo tài chính và soát xét Báo cáo tài chính bán niên, Bên B phải thực hiện các công việc sau:

- Tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, số lượng, chất lượng vật tư, sản phẩm tồn kho, dở dang và các khoản công nợ, vốn, ... tại ngày 30/6/2025 và 31/12/2025 theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán;
- Xác nhận số liệu Báo cáo quản trị năm 2025 của đơn vị theo mẫu biểu quy định tại Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017;
- Cung cấp tài liệu theo “Hướng dẫn kiểm toán Tập đoàn (GAI) theo yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 – Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính TKV” cho công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của TKV;
- Xác nhận các biểu mẫu của gói thông tin phục vụ hợp nhất Báo cáo tài chính toàn TKV theo yêu cầu của công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của TKV;
- Đưa ý kiến kiểm toán rõ ràng và nêu rõ các nội dung cần lưu ý đối với kiểm toán viên tại Công ty mẹ TKV;
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu có liên quan và cử nhân sự đến cơ quan TKV để phối hợp làm việc với kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của TKV nếu kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của TKV có yêu cầu thực hiện các thủ tục soát xét và/hoặc phỏng vấn về thủ tục và kết quả kiểm toán;
- Thực hiện kiểm tra và đảm bảo các thông tin và số liệu trình bày trên các phụ biểu thuyết minh BCTC sau kiểm toán lập theo quy định của TKV (mẫu báo cáo kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017) phù hợp với Báo cáo tài chính đã được soát xét /kiểm toán.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO SOÁT XÉT

Báo cáo soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 và quy định pháp lý khác có liên quan.

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A các báo cáo sau:

- Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán. Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.
- Thư xác nhận số liệu báo cáo năm 2025 của hệ thống Báo cáo quản trị TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017).
- Thư quản lý đề cập đến các hạn chế cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Nêu rõ các tồn tại, yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ, các sai sót hoặc vấn đề cần lưu ý để Bên A có biện pháp khắc phục.

Các Báo cáo kiểm toán và soát xét được lập thành 10 bộ tiếng Việt mỗi loại, Bên A giữ 09 bộ mỗi loại, bên B giữ 01 bộ mỗi loại.

Thư xác nhận số liệu Báo cáo quản trị và Thư quản lý được lập thành 06 bộ tiếng Việt, Bên A giữ 04 bộ, bên B giữ 02 bộ.

Công bố báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán:

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán hoặc Báo cáo soát xét của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: THỜI GIAN THỰC HIỆN

Đợt 1: Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại thời điểm 30/06/2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV - Xí nghiệp Địa chất 109: trong khoảng thời gian từ 10/6/2025 đến 30/6/2025.
- Soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025: thực hiện trong tháng 7 năm 2025, phát hành Báo cáo soát xét chậm nhất vào ngày 10/8/2025, với điều kiện Bên A cung cấp đầy đủ tài liệu và hồ sơ liên quan trước ngày 20/7/2025.

Đợt 2: Kiểm toán Báo cáo tài chính

- Chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2025: Trong khoảng thời gian từ 20/12/2025 đến 31/12/2025.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025: thực hiện từ tháng 01/2026, phát hành Báo cáo kiểm toán chậm nhất vào ngày 15/03/2026, với điều kiện Bên A cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu và kết quả kiểm kê tài sản, hàng tồn kho trước ngày 10/02/2026.

Trường hợp Bên A cung cấp tài liệu chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 1 và 2, thời hạn phát hành báo cáo sẽ được điều chỉnh tương ứng, nhưng không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

ĐIỀU V: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá trị hợp đồng:

Tổng phí dịch vụ của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng là: **110.000.000 đồng.**

(Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng chẵn).

Phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT, đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

Thuế suất thuế GTGT sẽ được điều chỉnh và áp dụng theo quy định hiện hành được ban hành bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm xuất hóa đơn, tổng thành tiền sẽ được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi của thuế suất GTGT được áp dụng mà không cần ký phụ lục bổ sung.

Phương thức thanh toán

Bên A tạm ứng cho Bên B 40% giá trị hợp đồng ngay khi hai Bên ký kết hợp đồng này. 60% giá trị hợp đồng còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B sau khi Bên A nhận được đầy đủ các sản phẩm của hợp đồng. Phí dịch vụ được thanh toán bằng đồng Việt Nam và bằng hình thức chuyển khoản.

Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU VI: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng trọn gói.

ĐIỀU VII: BẢO LÃNH HỢP ĐỒNG

Bên A không yêu cầu Bên B phải bảo đảm thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU VIII: BẤT KHẢ KHÁNG

1. Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, như: động đất, chiến tranh, hỏa hoạn và các thảm họa khác chưa lường hết được.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

ĐIỀU IX: TẠM DỪNG, HỦY BỎ HỢP ĐỒNG

1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng.

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của bên A hoặc bên B gây ra;
- Các trường hợp bất khả kháng;
- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận;

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại;

Thời gian mà mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận khắc phục.

2. Huỷ bỏ hợp đồng.

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng và điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

ĐIỀU X: THƯỞNG, PHẠT HỢP ĐỒNG

Thưởng hợp đồng: không

Phạt hợp đồng: Trường hợp Bên B hoàn thành công việc chậm hơn so với tiến độ nêu tại hợp đồng (lỗi chậm tiến độ do bên B) thì cứ 1 tuần (07 ngày) chậm tiến độ Bên B sẽ bị phạt 02% giá trị trước thuế của phần khối lượng bị chậm mức phạt tối đa không quá 8% giá trị hợp đồng.

ĐIỀU XI: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: Tối đa 15 ngày, nếu hoà giải không thành việc tranh chấp sẽ được đưa ra Toà án Hà Nội theo quy tắc tố tụng. Quyết định Toà án là căn cứ các bên phải thực hiện và bên thua kiện phải chịu bồi thường, chi phí.

ĐIỀU XII: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

1. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, không bên nào được đơn phương sửa đổi nội dung hợp đồng. Mọi bổ sung, sửa đổi các điều khoản của hợp đồng phải được hai bên thống nhất bằng phụ lục hợp đồng. Các điều khoản khác theo quy định của luật hiện hành

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký và tự động thanh lý khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ trong hợp đồng này.

3. Biên bản được lập thành 4 bộ, mỗi bên giữ 2 bộ có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC - TKV
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Danh Tuyên

Đại diện bên B
CÔNG TY TNHH
HÃNG KIỂM TOÁN AASC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Xuân Biển

